

Đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Phạm Văn Chương, Lê Hùng Chiến, Nguyễn Văn Diễn, Nguyễn Trọng Kiên, Lê Ngọc Phước
Trường Đại học Lâm nghiệp

Assessment of the real situation and proposing solutions to develop the wood industry and non-timber forest products in Hoa Binh province

Pham Van Chuong, Le Hung Chien, Nguyen Van Dien, Nguyen Trong Kien, Le Ngoc Phuoc
Viet Nam National University of Forestry

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.13.3.2024.105-114>

TÓM TẮT

Hòa Bình là tỉnh miền núi, phía Tây Bắc của Tổ quốc, giáp với Thủ đô Hà Nội, cửa ngõ giao lưu giữa đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ với Tây Bắc. Tài nguyên rừng của tỉnh có một vai trò vô cùng to lớn trong việc bảo vệ môi trường, sinh thái và còn là nguồn tạo ra công ăn việc làm, ổn định sinh kế cho đồng bào vùng nông thôn, miền núi. Tuy nhiên, thực tế hiện nay việc trồng, khai thác và sử dụng gỗ nói chung còn nhiều bất cập. Đây chính là một trong nhiều nguy cơ tiềm ẩn làm cho sự phát triển tài nguyên rừng ở Hòa Bình bất ổn định, hiệu quả sử dụng tài nguyên rừng chưa cao, lợi ích từ nghề rừng mang lại chưa xứng tầm, thu nhập của người dân sống bằng nghề rừng còn quá thấp. Nhằm góp phần thúc đẩy phát triển ngành lâm nghiệp nói chung, công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ (LSNG) nói riêng theo hướng bền vững, thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 04/NQ/ĐH của Đại hội Đại biểu đảng bộ tỉnh Hoà Bình lần thứ XVII (2021-2025), bài báo này trình bày các kết quả nghiên cứu về đánh giá thực trạng công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ (LSNG), với các tiêu chí: thực trạng về doanh nghiệp và các cơ sở chế biến gỗ và LSNG, về nguyên liệu, sản phẩm, công nghệ và thiết bị, quản trị doanh nghiệp và hiệu quả sản xuất, về các chính sách hỗ trợ. Đồng thời, đề xuất một số giải pháp phát triển công nghiệp chế biến gỗ và LSNG giai đoạn 2025-2030.

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 04/04/2024

Ngày phản biện: 07/05/2024

Ngày quyết định đăng: 28/05/2024

Từ khóa:

Công nghiệp gỗ, đề xuất giải pháp, lâm sản ngoài gỗ, tỉnh Hòa Bình, thực trạng.

ABSTRACT

Hoa Binh is a mountainous province, in the Northwest of the country, bordering Hanoi Capital, the gateway for exchange between the Northern Delta, North Central and Northwest. The province's forest resources play an important role in protecting the environment and ecology and are also a source of creating jobs and stabilizing livelihoods for people in rural and mountainous areas. However, the current reality of growing, exploiting and using wood in general still has many shortcomings. This is one of many potential risks that make the development of forest resources in Hoa Binh unstable, the efficiency of forest resource use is not high, the benefits from forestry are not adequate, and people's income is not high. The population living in forestry is still too low. In order to contribute to promoting the development of the forestry industry in general, the wood processing industry and non-timber forest products (NTFPs) in particular in a sustainable direction, successfully implementing Resolution No. 04/NQ/DH of the Congress of Delegates 17th Hoa Binh Provincial Party Committee (2021-2025), this article presents research results on assessing the current status of the wood and non-timber forest products (NTFP) processing industry, with the following criteria: Current status of businesses and establishments processing wood and NTFPs, raw materials, products, technology and equipment, corporate governance and production efficiency, and the support policies. At the same time, propose some solutions to develop the wood and NTFP processing industry in the period 2025-2030.

Keywords:

Hoabinh province, non-timber forest products, propose solutions, real situation, wood industry.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoà Bình là tỉnh thuần nông có thế mạnh phát triển du lịch sinh thái, thủy điện và đặc biệt là nghề rừng. Theo số liệu thống kê của UBND tỉnh Hoà Bình đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 hiện trạng rừng tỉnh Hòa Bình như sau: Diện tích đất có rừng: 236.919,25 ha, trong đó: rừng tự nhiên: 141.614,03 ha; rừng trồng: 95.305,22 ha. Diện tích đất có rừng đủ tiêu chí để tính tỷ lệ che phủ toàn tỉnh là 236.919,25 ha, tỷ lệ che phủ là 51,61% [1]. Hàng năm khai thác rừng trồng khoảng trên 7.610,76 ha với sản lượng ước đạt 400.000 m³ gỗ tròn, hơn 2,3 triệu cây Bương tre, luồng, khoảng 02 tấn nhựa thông và hơn 3,5 nghìn tấn măng. Tài nguyên rừng của tỉnh có một vai trò vô cùng to lớn trong việc bảo vệ môi trường, sinh thái và còn là nguồn tạo ra công ăn việc làm, ổn định sinh kế cho đồng bào vùng nông thôn, miền núi. Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay việc trồng, khai thác và sử dụng gỗ và LSNG nói chung còn nhiều bất cập. Đây chính là một trong nhiều nguy cơ tiềm ẩn làm cho sự phát triển tài nguyên rừng ở Hoà Bình bất ổn định, hiệu quả sử dụng tài nguyên rừng chưa cao, lợi ích từ nghề rừng mang lại chưa xứng tầm, thu nhập của người dân sống bằng nghề rừng còn quá thấp.

Phát triển ngành lâm nghiệp nói chung, công nghiệp chế biến gỗ và LSNG nói riêng theo hướng bền vững, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 04/NQ/ĐH của Đại hội Đại biểu đảng bộ tỉnh Hoà Bình lần thứ XVII (2021-2025), cần nghiên cứu và triển khai một số nhiệm vụ sau: (1) Đánh giá tổng thể thực trạng công nghiệp chế biến gỗ và LSNG của tỉnh Hoà Bình, trên các khía cạnh chủ yếu, như: nguyên liệu, sản phẩm, công nghệ và thiết bị, quy mô sản xuất, nguồn nhân lực và thị trường tiêu thụ sản phẩm; (2) Xây dựng bản đồ quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ và LSNG trên địa bàn tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2025-2030, bao gồm: quy hoạch vùng nguyên liệu, quy hoạch các cơ sở chế biến gỗ và LSNG chủ yếu; (3) Xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp thúc

đẩy công nghiệp chế biến gỗ (CBG) và LSNG có tính khả thi cao phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Với các giải pháp chủ yếu về: Quy hoạch sử dụng đất, khoa học và công nghệ, nguồn lực, nguồn vốn, chính sách, xúc tiến đầu tư, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, xây dựng thương hiệu, thị trường, truyền thông.

Bài báo này tổng lược các kết quả nghiên cứu chính về đánh giá thực trạng công nghiệp chế biến gỗ và LSNG trên địa bàn tỉnh Hòa Bình và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy công nghiệp chế biến gỗ và LSNG của tỉnh cho giai đoạn 2025-2030.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp kế thừa: Thu thập tài liệu thứ cấp về công nghiệp chế biến gỗ và LSNG của tỉnh Hoà bình giai đoạn 2018-2023.

- Phương pháp tham vấn chuyên gia: Áp dụng xây dựng mẫu phiếu điều tra các khách thể, gồm: (1) các cơ quan quản lý (Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, các chi cục liên quan, lãnh đạo cấp thành phố, cấp huyện); (2) cán bộ quản lý sản xuất (giám đốc, chủ cơ sở sản xuất, cán bộ kỹ thuật, hợp tác xã...); (3) công nhân, người trực tiếp sản xuất.

- Phương pháp điều tra, phỏng vấn: Thu thập các thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Để đảm bảo tính đại diện cao cho tổng thể, việc chọn địa bàn và đối tượng nghiên cứu khảo sát được xem xét trên cơ sở các tiêu chí về địa bàn nghiên cứu, đối tượng điều tra, khảo sát...

- Phương pháp phân tích đa tiêu chuẩn (MCA): Được sử dụng để đánh giá mức độ quan trọng (trọng số) của các chỉ tiêu trong lựa chọn vị trí quy hoạch vùng nguyên liệu và quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ và LSNG, làm căn cứ để xây dựng bản đồ quy hoạch [2].

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng công nghiệp chế biến gỗ và LSNG tại tỉnh Hòa Bình

a) Thực trạng về doanh nghiệp và các cơ sở chế biến gỗ và LSNG

Kết quả điều tra, khảo sát năm 2023 tỉnh Hòa Bình có số doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình tham gia cả về CBG và LSNG rất ít, với

tổng số: 210 doanh nghiệp, cơ sở, hộ gia đình tham gia sản xuất, kinh doanh chế biến gỗ và LSNG, như Bảng 1.

Bảng 1. Doanh nghiệp, cơ sở CBG và LSNG năm 2023

TT	Huyện, thành phố	Hình thức sở hữu			Loại hình SXKD
		Tổ chức	Hộ gia đình	Tổng số	
1	Cao Phong	0	07	07	Mua bán, CBG và LSNG
2	Đà Bắc	05	17	22	Mua bán, CBG và LSNG
3	Kim Bôi	03	14	17	Mua bán, CBG và LSNG
4	Mai Châu	05	21	26	Mua bán, CBG và LSNG
5	Lạc Sơn	03	04	07	Mua bán, CBG và LSNG
6	Lạc Thủy	10	10	20	Mua bán, CBG và LSNG
7	Lương Sơn	09	19	28	Mua bán, CBG và LSNG
8	Tân Lạc	0	16	16	Mua bán, CBG và LSNG
9	Yên Thủy	02	17	19	Mua bán, CBG và LSNG
10	TP. Hòa Bình	15	33	48	Mua bán, CBG và LSNG
Tổng số		52	158	210	

Nguồn: Chi cục Kiểm lâm Hòa Bình.

Số liệu Bảng 1 cho thấy, vùng có số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tham gia vào CBG và LSNG nhiều nhất là thành phố Hòa Bình, huyện Lương Sơn và huyện Mai Châu. Trong khi đó các huyện Cao Phong và Tân Lạc không có doanh nghiệp, công ty CBG và LSNG. Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình tham gia chế biến, kinh doanh LSNG (tre, nứa, song, mây, măng) rất ít, chỉ chiếm 4,2% trên tổng số. Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình tham gia chế biến, kinh doanh LSNG (tre, nứa, song, mây, măng) kết hợp với gỗ chiếm 18,6,% trên tổng số. Mô hình HTX từ khi xóa bỏ cơ chế bao cấp đã bị phá vỡ, gần đây đã có dấu hiệu phục hồi. Hình thức kinh doanh chủ yếu là cá nhân, hộ gia đình, chiếm 75,3%. Cơ sở

sản xuất là các tổ chức chủ yếu tập trung ở TP. Hòa Bình, huyện Lạc Thủy và huyện Lương Sơn.

Sản phẩm chính của doanh nghiệp, hộ gia đình chủ yếu là sản phẩm chế biến thô, như: ván bóc, dăm gỗ, gỗ xẻ được làm từ các loại gỗ mọc nhanh rừng trồng tuổi non. Các sản phẩm khác như bàn ghế, giường, kệ, đũa, bột giấy vàng mã, ván sàn tre với số lượng rất ít. Sản phẩm LSNG chủ yếu là cốt pha xây dựng, bột giấy, ván ép tre và chế biến từ măng tươi phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

Quy mô sản xuất theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP phần lớn là các doanh nghiệp siêu nhỏ. Số lượng các doanh nghiệp, hộ gia đình tham gia đóng bảo hiểm xã hội được thể hiện như Bảng 2 [3].

Bảng 2. Quy mô sản xuất theo số lượng lao động

TT	Hình thức sở hữu	Quy mô sản xuất theo số lượng lao động			
		Tổng số	Siêu nhỏ	Nhỏ	Vừa
1	Doanh nghiệp/tổ chức	34	29	05	0
	Tỷ lệ %	100	85,23	14,77	0
2	Cá nhân, hộ gia đình	46	46	0	0
	Tỷ lệ %	100	100	0	0

Nguồn: Chi cục Kiểm lâm Hòa Bình.

Trên cơ sở quy mô lao động được phân theo các mức trên, thì số cơ sở sản xuất có quy mô siêu nhỏ là chủ yếu (nhóm tổ chức: 85,23% và nhóm cá nhân, hộ gia đình là 100%).

Các cơ sở sản xuất kinh doanh gỗ và LSNG thường sử dụng lao động vệ tinh theo thời vụ, số lao động này thường không đóng bảo hiểm xã hội. Nguồn nhân lực trong ngành công nghiệp CBG và LSNG là người địa phương, tỷ lệ lao động nữ thấp (khoảng 38%). Với độ tuổi chủ yếu từ 18 tuổi đến 45 tuổi, tiếp nhận công việc theo phương thức truyền nghề. Chỉ có một số doanh nghiệp, cơ sở có lao động trình độ kỹ sư, cử nhân (Công ty TNHH MDF Tân An, Công ty cổ phần Sơn Thủy). Thu nhập hàng tháng của người lao động xếp vào mức trung bình thấp: (6-7) triệu VNĐ/tháng.

b) Về nguyên liệu

- Nguyên liệu chính: Nguyên liệu cho các doanh nghiệp, cơ sở CBG và LSNG chủ yếu là các loại gỗ mọc nhanh rừng trồng, như keo tai tượng, keo lai, xoan, luồng, bương và măng.

Gỗ nguyên liệu cho chế biến, lượng gỗ nhỏ, gỗ non chiếm tỷ lệ lớn, không thể sản xuất các sản phẩm gỗ có giá trị gia tăng cao (khai thác gỗ keo ở độ tuổi 4-5 năm chiếm tỷ lệ khoảng 60%). Việc khai thác gỗ keo non được các chuyên gia ngành lâm nghiệp chỉ ra là không mang tính bền vững. Một ngành trồng rừng bền vững chỉ khi có sự liên kết cùng với doanh nghiệp hoặc người dân có đủ vốn để duy trì diện tích rừng trồng từ năm thứ 5 trở lên hoặc trồng thành rừng gỗ lớn mới khai thác. Khi bài toán này được giải quyết thì lúc đó mới ngăn chặn được tình trạng khai thác gỗ keo non trong dân và chính các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ có nguồn nguyên liệu ổn định để sản xuất.

Hiện tại toàn tỉnh có 132.784,41 ha rừng sản xuất, qua điều tra khảo sát năng suất rừng bình quân khoảng 13-14 m³/ha/năm (cao nhất tại huyện Lạc Thủy: 20-22 m³/ha/năm và thấp nhất tại huyện Đà Bắc: 8-9 m³/ha/năm). Số liệu tính toán sơ bộ cho thấy, với chu kỳ khai thác 5 năm, sản lượng gỗ của toàn tỉnh có thể đạt

380.000 - 400.000 m³ gỗ tròn/năm.

Về thực trạng khai thác: năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh đã khai thác 6.011,68 ha rừng trồng tập trung (tăng 1.258,48 ha so với năm 2019), với khối lượng 390.788,04 m³ gỗ tròn; khai thác 2.317.030 cây bương tre, luồng; 02 tấn nhựa thông; 3.541,1 tấn măng.

- Nguyên, vật liệu phụ trợ: Hầu hết các nguyên, vật liệu phụ trợ phục vụ công nghiệp CBG và LSNG của tỉnh như: keo dán, sơn, các linh kiện cơ khí... đều phải nhập và mua ngoài thị trường (trừ công ty TNHH MDF Tân An có khả năng tự sản xuất keo dán gỗ).

c) Về sản phẩm

Chủng loại sản phẩm gỗ và LSNG chủ yếu là sản phẩm thô, như: gỗ xẻ, ván bóc, dăm gỗ... Có thể chia các sản phẩm gỗ và LSNG của tỉnh thành 5 nhóm chính: (1) Nhóm sản phẩm đồ mộc trong nhà bao gồm các loại bàn, ghế, tủ giường sử dụng trong văn phòng, gia đình, khách sạn, các loại cửa, ván sàn, giá kê sách, đồ chơi làm hoàn toàn từ gỗ hay gỗ kết hợp với các vật liệu khác như da, vải...; (2) Sản phẩm dăm gỗ, ván bóc sản xuất từ gỗ rừng trồng mọc nhanh, tận dụng gỗ cành, ngọn từ khai thác rừng keo, bạch đàn...; (3) Nhóm sản phẩm ván ép, như MDF, ván ép tre, ván sàn tre và ván dán; (4) Các sản phẩm từ măng; (5) Nhóm các sản phẩm khác: đũa tre, giấy và bột giấy.

Nhìn chung sản phẩm gỗ, đồ gỗ và LSNG của tỉnh có số lượng rất ít, chất lượng hạn chế do công nghệ, thiết bị lạc hậu. Chất lượng dăm gỗ tuân thủ theo yêu cầu của người mua hàng, như kích thước, độ ẩm, tỷ lệ vỏ cây. Các sản phẩm xuất khẩu khác như: ván ép tre, gỗ dán dùng làm cốt pha, măng có chất lượng đảm bảo theo đơn đặt hàng.

d) Về công nghệ và thiết bị

Phần lớn các doanh nghiệp, cơ sở CBG và LSNG chưa chú trọng đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại. Phân theo mức độ trình độ công nghệ gồm: (1) Nhóm các doanh nghiệp sản xuất ván nhân tạo (MDF, ván thanh, ván dán...): sử dụng công nghệ chế biến của Trung Quốc, Đài Loan

và thiết bị trong nước, có quy mô công suất nhỏ (riêng công ty TNHH MDF Tân An có công suất 54.000 m³ sản phẩm/năm; (2) Nhóm các doanh nghiệp, cơ sở chế biến đồ gỗ tiêu thụ nội địa: sử dụng công nghệ của Trung Quốc và thiết bị trong nước, với quy mô công suất nhỏ từ 200-5.000 m³ sản phẩm/năm; (3) Nhóm các doanh nghiệp, cơ sở chế biến LSNG: sử dụng công nghệ của Trung Quốc và thiết bị trong nước, chế biến thủ công. Có 02 doanh nghiệp có quy mô công suất trung bình là Công ty cổ phần BWG Mai Châu và Công ty cổ phần Kim Bôi về chế biến măng là sản phẩm Ocop. Toàn bộ sản phẩm về măng của Công ty cổ phần Kim Bôi đều được sản xuất với quy trình khép kín, theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018.

Nhìn chung, thời gian qua các doanh nghiệp, cơ sở CBG và LSNG trên địa bàn toàn tỉnh còn hạn chế ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; thiết bị chủ yếu có xuất xứ Trung Quốc và thiết bị trong nước, mức độ tự động hóa thấp, không thể tạo ra sản phẩm chất lượng cao. Quy mô công suất của các doanh nghiệp, cơ sở xếp vào loại nhỏ và siêu nhỏ. Đánh giá trình độ công nghệ sản xuất theo hướng dẫn của Thông tư 04/2014/TT-BKHCN [4], công nghiệp CBG và LSNG của tỉnh Hòa Bình đạt mức điểm rất thấp (dưới 1,0 điểm).

Vấn đề về môi trường và an toàn trong sản xuất: Ở các xưởng CBG và LSNG hầu hết người lao động từ chủ xưởng cho tới công nhân, đều không được đào tạo bài bản; những kiến thức, kỹ năng về vận hành máy móc, làm nghề đều là tự mày mò, tìm hiểu, thông qua kinh nghiệm, truyền dạy theo kiểu “cầm tay chỉ việc”, người đi trước chỉ người đi sau. Chính sự thiếu hụt về đào tạo nghề nghiệp, kiến thức về an toàn vệ sinh lao động tại các xưởng chế biến gỗ là một trong những vấn đề đáng lo ngại hiện nay. Cùng với đó, môi trường lao động tại các cơ sở sản xuất, chế biến gỗ tiềm ẩn nhiều rủi ro.

e) Về quản trị doanh nghiệp và hiệu quả sản xuất

Trình độ quản trị doanh nghiệp: có 03 doanh nghiệp có chứng chỉ CoC và chứng chỉ ISO 9001.

Tình hình sử dụng năng lực sản xuất (nhân lực, thiết bị, đất đai) còn thấp, hệ số sử dụng năng lực sản xuất bình quân của doanh nghiệp, cơ sở CBG và LSNG đạt khoảng 30%, thấp nhất là khâu xẻ gỗ (chỉ đạt khoảng 7%) vì không có doanh nghiệp, cơ sở chuyên môn hóa về xẻ; năng lực sản xuất đồ nội thất mặc dù có giá trị gia tăng cao song chưa có kế hoạch sản xuất ổn định, số lượng ít (tùy thuộc vào đơn hàng). Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất dăm gỗ, ván bóc... chủ yếu gia công thuê cho các doanh nghiệp ngoài tỉnh như Phú Thọ, Nam Định, Bắc Giang... nên lợi nhuận chỉ đạt 0,5% cho sản xuất dăm và 5% với sản xuất ván bóc.

Tính kết nối chưa cao, rất ít doanh nghiệp ký hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp nguyên liệu và nơi tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức sản xuất theo liên kết chuỗi từ trồng rừng, khai thác rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chưa được hình thành.

f) Về các chính sách hỗ trợ

Ngành công nghiệp CBG và LSNG của tỉnh chưa được đầu tư nhiều. Hiện trình độ công nhân ngành gỗ còn thấp, hệ thống công nghiệp hỗ trợ cho ngành gỗ chưa có. Các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp về quỹ đất, mặt bằng đầu tư nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến gỗ tập trung trên địa bàn; cũng như việc hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi theo các quy định hiện hành của pháp luật cũng chưa được triển khai.

d) Đánh giá chung về thực trạng CBG và LSNG của tỉnh Hòa Bình

Thực trạng điều tra cho thấy, nhìn chung các cơ sở chế biến trên địa bàn tỉnh là những doanh nghiệp còn trẻ (có số năm hoạt động dưới 10 năm). Các cơ sở sản xuất tư nhân, hộ gia đình chiếm đa số (trên 80%).

Về quy mô lao động đa số có quy mô nhỏ (dưới 50 lao động/một cơ sở), tỷ lệ lao động được đào tạo đối với doanh nghiệp chiếm khoảng 5%.

Sản phẩm chế biến chủ yếu là sản phẩm thô,

như dăm gỗ, ván bóc, gỗ xẻ thanh... chất lượng sản phẩm không cao, lợi nhuận thấp.

Về thông tin hiểu biết thị trường của các cơ sở chế biến rất hạn chế, chủ yếu nhờ khâu trung gian tiêu thụ sản phẩm chế biến ra, giá bán nhìn chung thấp hơn giá bình quân trên thị trường.

Công nghệ và thiết bị chế biến còn sử dụng nhiều lao động thủ công dẫn đến giá thành sản phẩm cao cho nên hiệu quả kinh doanh thấp; hầu hết các cơ sở chế biến chưa có hệ thống xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường.

Các cơ sở chế biến hiện nay đang gặp nhiều khó khăn về vốn, không có khả năng đầu tư mở rộng sản xuất; khó tiếp cận vốn vay, còn có quá nhiều rào cản; không nhận được đầu tư hỗ trợ từ bên ngoài và vay vốn ưu đãi... Các chính sách như đầu tư, tín dụng, hưởng lợi, lưu thông, thuế tuy đã được lồng ghép trong các văn bản luật quy định cho phát triển lâm nghiệp, nhưng chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện dẫn đến còn nhiều vướng mắc trong thực thi chính sách dưới cơ sở; mặt khác chưa có văn bản nào quy định chính sách riêng cho ngành CBG và LSNG.

3.2. Đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2025-2030

a) Mục tiêu

- Mục tiêu chung: Trong 10 năm tới, ngành công nghiệp CBG và LSNG của tỉnh Hòa Bình trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trong sản xuất và xuất khẩu của tỉnh. Thúc đẩy sản phẩm chế biến xuất khẩu, phấn đấu bình quân mỗi năm giá trị xuất khẩu tăng từ 5% trở lên.

- Mục tiêu cụ thể:

• Đến năm 2025, giá trị sản xuất chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ tăng 20% so với năm 2022 (năm 2022: 1.625 tỷ VNĐ). Giá trị sản phẩm gỗ và lâm sản xuất khẩu tăng 8%, giá trị sản phẩm gỗ và lâm sản tiêu thụ nội địa tăng 12%.

• Đến năm 2030, giá trị sản xuất chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ tăng 50% so với năm 2025. Giá trị sản phẩm gỗ và lâm sản xuất khẩu tăng 10%, giá trị sản phẩm gỗ và lâm sản tiêu thụ nội

địa tăng 10%.

c) Giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến gỗ và LSNG tại tỉnh Hòa Bình

1) Về nguyên, vật liệu

- Quản lý bền vững và có hiệu quả tổng diện tích đất rừng sản xuất: 145.462,81 ha (đất có rừng tự nhiên: 26.902,44 ha; đất có rừng trồng: 68.593,46 ha và đất chưa có rừng: 49.966,91 ha) [1], quản lý sử dụng rừng bền vững theo hướng đa mục đích. Thực hiện các dự án hỗ trợ trồng rừng và dịch vụ chi trả môi trường rừng để khuyến khích phát triển rừng một cách nhanh chóng và bền vững, đảm bảo đủ nguyên liệu cho chế biến. Thực hiện các biện pháp trồng rừng và khai thác hiệu quả để hình thành rừng gỗ lớn thay thế gỗ nhập khẩu. Đến năm 2025, Hoà Bình phấn đấu có 50% diện tích rừng sản xuất được cấp chứng chỉ FSC; dự kiến đến năm 2030 có trên 80% diện tích rừng sản xuất được cấp chứng chỉ FSC.

- Xây dựng, hình thành vùng rừng trồng tập trung, áp dụng công nghệ sinh học hiện đại và kỹ thuật thâm canh rừng để nâng cao năng suất rừng trồng, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lâm sản. Khuyến khích sử dụng các loài cây bản địa; trồng rừng hỗn loài, kết hợp trồng cây gỗ nhỏ mọc nhanh và cây gỗ lớn dài ngày ở những nơi có điều kiện thích hợp.

- Quản lý, giám sát chất lượng nguồn gốc giống cây trồng lâm nghiệp đạt trên 90% nhằm sử dụng giống tốt, cây giống rừng đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, có hồ sơ quản lý giống.

- Đến năm 2025: Duy trì độ che phủ rừng hằng năm trên 50%; có 3 nghìn ha rừng trồng gỗ nhỏ được chuyển hóa sang rừng trồng kinh doanh gỗ lớn; 6 nghìn ha trồng mới, thâm canh và trồng rừng gỗ lớn bằng cây giống chất lượng cao; năng suất rừng trồng tăng lên 1,3 lần; sản lượng gỗ đạt trung bình 150 m³/ha/chu kỳ gỗ lớn; giá trị thu được bình quân mỗi năm trên 1 ha đất rừng trồng sản xuất tăng gấp 2,5 lần.

- Định hướng đến năm 2030: Duy trì độ che phủ rừng hằng năm trên 50%; có trên 90% diện

tích rừng sản xuất là rừng trồng kinh doanh gỗ lớn. Diện tích đất trồng quy hoạch rừng sản xuất còn dưới 10%.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển ngành công nghiệp phụ trợ của ngành công nghiệp chế biến gỗ. Tập trung ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sản xuất chế phẩm sinh học bảo quản gỗ thể hệ mới, keo dán gỗ, các chất sơn phủ bề mặt, các loại phụ kiện – ngũ kim phục vụ sản xuất sản phẩm gỗ.

- Xây dựng ngân hàng dữ liệu, thống kê các nhà sản xuất, phân phối nguyên vật liệu của ngành công nghiệp hỗ trợ chế biến gỗ, nhằm cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp chế biến gỗ và lâm sản về nơi cung cấp các loại linh kiện, thiết bị trong nước sản xuất, tạo cầu nối, liên kết, nâng cao hiệu quả sản xuất giữa doanh nghiệp.

2) Về thể chế, chính sách

- Về chính sách: Xây dựng, bổ sung hệ thống chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp CBG và LSNG để ngày càng phù hợp với điều kiện thực tế như: chính sách liên kết giữa người sản xuất gỗ, các công ty lâm nghiệp với các cơ sở, doanh nghiệp CBG và LSNG; chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp CBG và LSNG; hoàn thiện khung pháp lý cho các hoạt động của các tổ chức hội nghề nghiệp như Hiệp hội Gỗ và Lâm sản tỉnh Hòa Bình.

- Về đất đai: Ưu tiên bố trí các doanh nghiệp chế biến vào hoạt động tại các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch tại địa phương.

Rà soát, bổ sung Nghị số 61/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ để khuyến khích hơn nữa đầu tư phát triển công nghiệp chế biến gỗ, nhất là đầu tư các nhà máy chế biến gỗ ở vùng sâu, vùng xa.

- Về liên kết trong CBG và LSNG: Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi sản phẩm (liên kết dọc) từ trồng rừng, thu mua nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, về quản lý nguồn gốc hợp pháp của

nguyên liệu gỗ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, cũng như tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường thế giới. Đặc biệt chú ý đến mối liên kết giữa người trồng rừng, các công ty lâm nghiệp với doanh nghiệp CBG và LSNG. Thành lập các tổ chức ngành hàng tại địa phương nhằm liên kết các nhà sản xuất theo ngành hàng (liên kết ngang) tạo ra sự ổn định, bền vững và tránh được việc ép cấp, ép giá trong các khâu của chuỗi sản xuất.

3) Phát triển cơ sở hạ tầng và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào ngành công nghiệp CBG và LSNG

- củng cố và nâng cấp hệ thống cơ sở CBG và LSNG quy mô vừa, quy mô nhỏ và siêu nhỏ, tiến tới phát triển công nghiệp chế biến gỗ quy mô lớn. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về quỹ đất, phát triển hạ tầng, mở rộng mặt bằng, nâng quy mô, công suất, đổi mới công nghệ sản xuất và hình thành các khu, cụm công nghiệp chế biến gỗ tập trung tại các khu vực có nhiều tiềm năng, lợi thế như Lương Sơn, Lạc Sơn, Lạc Thủy, Yên Thủy.

- Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, quy hoạch và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tạo mặt bằng các khu, cụm công nghiệp thu hút doanh nghiệp CBG và LSNG đầu tư mới hoặc di dời khỏi các khu đô thị, các khu dân cư tập trung.

- Đầu tư phát triển dịch vụ logistic, tối ưu hóa phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, hạ giá thành sản phẩm và tăng cường năng lực cung ứng các loại sản phẩm gỗ cho thị trường, phù hợp với lộ trình tăng tương giá trị sản xuất, xuất khẩu của ngành công nghiệp CBG và LSNG.

- Hình thành mạng lưới cơ sở sản xuất, chế biến gỗ theo các nhóm sản phẩm gỗ xẻ, ván nhân tạo (ván dán, ván ghép thanh, MDF), các loại đồ mộc, đồ thủ công mỹ nghệ, dăm gỗ và viên nén nhiên liệu. Đồng thời, hình thành

mạng lưới liên kết sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản theo khu, cụm công nghiệp chế biến gỗ tập trung để bảo đảm sản xuất hiệu quả, phát triển bền vững, xử lý ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư có chọn lọc đối với các dự án đầu tư mới theo hướng ưu tiên các dự án sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, nguyên, nhiên, vật liệu, thân thiện môi trường vào các khu, cụm công nghiệp CBG và LSNG.

4) Về khoa học và công nghệ

- Tập trung nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là kết quả của các đề tài, dự án về thiết kế sản phẩm, về vật liệu thay thế, về tận dụng nguyên liệu và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm gỗ chế biến, LSNG gắn công tác nghiên cứu của các viện, trường với các doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ ứng dụng vật liệu mới, biến tính gỗ, công nghệ nano, công nghệ sấy sinh thái, công nghệ sản xuất sơn, chất phủ bề mặt, keo dán gỗ. Công nghệ tự động hóa trong chế biến và bảo quản lâm sản (gỗ và LSNG), sử dụng phế liệu, phụ phẩm trong lâm nghiệp; ứng dụng công nghệ vật liệu mới, tạo các sản phẩm composite chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu gỗ cho xây dựng và chế biến.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về ngành công nghệ CBG và LSNG để cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trong việc tìm kiếm thị trường công nghệ, lựa chọn công nghệ và quyết định đầu tư, đổi mới, chuyển giao công nghệ.

- Tập trung đổi mới công nghệ, đồng bộ các thiết bị công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh chuyên môn hóa để các doanh nghiệp CBG và LSNG tham gia vào chuỗi sản xuất, tiếp nhận đơn hàng lớn, thống nhất về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm giữa nhà thiết kế - nhà sản xuất - nhà phân phối.

- Đón đầu ứng dụng công nghệ mới về thiết kế mẫu mã sản phẩm để tăng lợi thế cạnh tranh

của ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0, giúp kiểm soát quá trình sản xuất, chế biến gỗ, tiết kiệm phiêu gỗ; quy trình, công nghệ sản xuất hiện đại tạo ra sản phẩm có chất lượng đồng đều; kiểm soát chất lượng sản phẩm từ nguyên vật liệu đầu vào tới tay người tiêu dùng.

- Khuyến khích các doanh nghiệp ngành công nghiệp CBG và LSNG xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tiêu chuẩn quốc tế (ISO), hệ thống quản lý chất lượng toàn diện (TQM), hệ thống tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội (SA8000), thực hiện đăng ký bảo hộ thương hiệu, nhãn mác sản phẩm và quyền sở hữu công nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp ngành công nghiệp CBG và LSNG liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, trường nghề triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ, đáp ứng nhu cầu đổi mới công nghệ; hỗ trợ đào tạo, tập huấn về công nghệ thông tin, xây dựng và áp dụng chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm (CoC).

5) Về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Thực hiện hợp tác, liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để đào tạo, đào tạo lại, gắn đào tạo với sử dụng lao động tại chỗ.

- Các doanh nghiệp CBG và LSNG có kế hoạch, lộ trình đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực theo nhu cầu sử dụng để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao vào sản xuất, quản trị doanh nghiệp. Chủ động liên kết với các trường nghề để đào tạo nguồn nhân lực theo đơn đặt hàng và có cơ chế trả lương, thưởng, các khoản phúc lợi phù hợp để thu hút, giữ chân người lao động có tay nghề cao, công nhân lành nghề.

- Phát triển các mô hình hợp tác đào tạo: nhà trường – doanh nghiệp. Trong đó, nhà trường đào tạo và doanh nghiệp tham gia quá trình đào tạo, được hưởng lợi từ mức hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.

6) Về phát triển thị trường

- Nghiên cứu định hướng sản xuất, xuất khẩu sản phẩm gỗ vào thị trường quốc tế. Tập trung

phát triển thị trường xuất khẩu sản phẩm gỗ truyền thống, chủ lực, gồm 5 thị trường chính: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc là những quốc gia phát triển, có nhu cầu sử dụng gỗ, sản phẩm gỗ cao và tương đối ổn định.

- Chủ động xúc tiến thương mại vào các thị trường mới, thị trường tiềm năng. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng kênh phân phối sản phẩm gỗ Việt, chuyển đổi phương thức bán hàng từ cách truyền thống sang hình thức bán hàng online.

- Tập trung phát triển thị trường nội địa với dân số gần 100 triệu người, tầng lớp trung lưu đông đảo và ngày càng phát triển, trên cơ sở xác định thực trạng và vai trò của thị trường nội địa, xu hướng cung – cầu và mối tương quan giữa thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu. Tạo công ăn việc làm cho các cơ sở chế biến gỗ quy mô nhỏ, hộ gia đình, đặc biệt là hệ thống các làng nghề gỗ, LSNG trong tỉnh.

- Thông tin thương mại, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm Mỹ, Trung Quốc, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản... theo các nhóm, loại sản phẩm gỗ và lâm sản. Tuyên truyền, quảng bá hình ảnh về gỗ, sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ nổi tiếng của vùng, miền ra thị trường nước ngoài.

- Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa hoạt động quản trị và ứng dụng các công nghệ thực tế ảo, showroom 3D... theo xu hướng bán hàng online. Kênh thương mại điện tử được lựa chọn là kênh bán hàng hàng đầu đối với các doanh nghiệp xuất khẩu. Các doanh nghiệp chuyển đổi số, mở website bán hàng hoặc phân phối qua trang thương mại điện tử.

- Tổ chức nghiên cứu thị trường trong nước, xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng đồ gỗ quan trọng, các ấn phẩm, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm của người Việt. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ các sản phẩm gỗ, lâm

sản Việt Nam đến người tiêu dùng.

- Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp về ngành chế biến gỗ Việt Nam. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành chế biến, phân phối sản phẩm gỗ và lâm sản.

- Nâng cao năng lực dự báo nhu cầu thị trường cung cấp những thông tin cập nhật về thị trường lâm sản thế giới trên các mặt giá cả, cân đối cung cầu, xu hướng sản phẩm và những yêu cầu mới của thị trường nhập khẩu.

7) Về môi trường và phát triển bền vững

- Tiếp tục hỗ trợ, đào tạo cho các doanh nghiệp chế biến gỗ áp dụng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm thiểu chất thải và xử lý hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm.

- Kiểm tra, xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, chế biến không tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường.

- Tăng cường các biện pháp kiểm tra để đảm bảo đến năm 2030 đạt 100% số nguyên liệu gỗ đưa vào sản xuất có nguồn gốc hợp pháp.

4. KẾT LUẬN

Kết quả điều tra, khảo sát về thực trạng công nghiệp CBG và LSNG cho thấy: Phần lớn các doanh nghiệp, cơ sở CBG và LSNG là những cơ sở mới thành lập (có số năm hoạt động dưới 10 năm). Các cơ sở sản xuất tư nhân, hộ gia đình chiếm đa số (trên 80%). Quy mô sản xuất nhỏ (dưới 50 lao động/một cơ sở), tỷ lệ lao động được đào tạo đối với doanh nghiệp chiếm khoảng 5%. Sản phẩm chế biến chủ yếu là sản phẩm thô, như dăm gỗ, ván bóc, gỗ xẻ thanh... chất lượng sản phẩm không cao, lợi nhuận thấp. Thông tin hiểu biết thị trường của các cơ sở chế biến rất hạn chế, chủ yếu nhờ khâu trung gian tiêu thụ sản phẩm, giá bán nhìn chung thấp hơn giá bình quân trên thị trường.

Công nghệ và thiết bị chế biến đa số còn lạc hậu, sử dụng nhiều lao động thủ công dẫn đến giá thành sản phẩm cao, hiệu quả kinh doanh thấp; hầu hết các cơ sở chế biến chưa có hệ thống xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường.

Từ thực trạng công nghiệp CBG và LSNG, đồng thời căn cứ vào định hướng chiến lược phát triển kinh tế, Quyết định quy hoạch tỉnh Hòa Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bài viết đã đề xuất 07 nhóm giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp CBG và LSNG cho giai đoạn 2025-2030.

Để ngành công nghiệp CBG và LSNG của tỉnh thực sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, UBND tỉnh cần tiếp tục cơ cấu lại theo hướng sản xuất quy mô lớn, tập trung, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, tăng năng xuất lao động, đi đôi với bảo vệ môi trường, tận dụng, khơi dậy các tiềm năng, thế mạnh lợi thế các nguồn lực, làm ra nhiều loại sản phẩm gỗ có mẫu mã bền, đẹp, tinh tế, sử dụng thông minh đáp ứng tiêu dùng của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Lời cảm ơn

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn Sở Khoa học và Công nghệ Hòa Bình, Sở NN&PTNT Hòa Bình, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hòa Bình, các doanh nghiệp, các hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh gỗ và LSNG đã cung cấp số liệu, thông tin trong quá trình điều tra, khảo sát; cảm ơn Trường Đại học Lâm nghiệp đã tạo mọi điều kiện về nhân lực, vật lực để triển khai các hoạt động nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. UBND tỉnh Hòa Bình (2024). Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về công bố hiện trạng rừng tỉnh Hòa Bình năm 2023.
- [2]. Lê Cảnh Định (2011). Tích hợp GIS và phân tích quyết định nhóm đa tiêu chuẩn trong đánh giá thích nghi đất đai. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. 9: 82 - 89.
- [3]. Chính phủ (2021). Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- [4]. Bộ Khoa học và Công nghệ (2014). Thông tư số 04/2014/TT-BKH&CN ngày 08/4/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN: Hướng dẫn đánh giá trình độ công nghệ sản xuất.